

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: THUẾ VÀ THỰC HÀNH KHAI BÁO THUẾ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
1	1213180002	Võ Thị Cẩm	An	12/07/1987	02KT14E1	5.0	5.0	5.0		8.0		6.8	Đạt
2	0213180004	Nguyễn Vũ	Bình	20/10/1995	02KT14E1	10.0	8.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
3	0213240008	Văn Thị Kim	Cương	01/12/1999	02KT14E1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
4	0213240022	Tạ Trường	Đạt	02/11/2000	02KT14E1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
5	1213240040	Lưu Thanh	Điền	12/05/1995	02KT14E1	10.0	6.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
6	0213240014	Bùi Văn	Điền	15/09/1998	02KT14E1	10.0	6.5	7.7		8.5		8.2	Đạt
7	0213240018	Nguyễn Thị Lệ	Dung	30/08/1988	02KT14E1	10.0	8.5	9.0		9.0		9.0	Đạt
8	0213240017	Mai Trần Thùy	Dương	03/11/1996	02KT14E1	10.0	6.5	7.7		9.8		8.9	Đạt
9	2213180043	Nguyễn Thị Hương	Giang	22/04/1992	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt
10	0213240009	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	03/11/1996	02KT14E1	10.0	4.5	6.3		8.0		7.3	Đạt
11	2213180057	Lê Thị Thanh	Hiền	10/04/1982	02KT14E1	10.0	9.0	9.3		9.5		9.4	Đạt
12	1213240014	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	02/08/1992	02KT14E1	10.0	6.0	7.3		9.3		8.5	Đạt
13	1213240037	Nguyễn Lê Thanh	Hùng	20/03/1996	02KT14E1	10.0	7.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
14	2213240138	Vũ Mai Thiên	Hương	08/09/1993	02KT14E1	10.0	6.0	7.3		9.5		8.6	Đạt
15	0213240002	Hồ Kim	Lợi	25/01/1983	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt
16	0213240001	Mai Kim	Ngân	20/07/2000	02KT14E1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
17	2213240114	Trần Ngọc	Ngân	05/01/1999	02KT14E1	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
18	0213240020	Đặng Đình Anh	Ngọc	10/08/1993	02KT14E1	8.0	4.5	5.7		5.3		5.4	Đạt
19	0213240026	Võ Minh	Nhật	05/11/1993	02KT14E1	9.0	6.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
20	0213180002	Nguyễn Hồng	Nhung	15/05/1996	02KT14E1	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
21	0213240021	Trần Thị Diễm	Phương	27/01/1985	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		9.5		9.7	Đạt
22	1213240003	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	25/11/1998	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: THUẾ VÀ THỰC HÀNH KHAI BÁO THUẾ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
23	2213240080	Lê Ngọc	Quỳnh	05/10/1999	02KT14E1	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
24	0213240011	Trần Trúc	Thanh	19/03/1997	02KT14E1	10.0	9.0	9.3		7.5		8.2	Đạt
25	0213240023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/03/1991	02KT14E1	9.0	3.5	5.3		5.8		5.6	Đạt
26	2213240118	Nguyễn Ngọc Diệu	Thiện	17/08/1991	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		7.8		8.7	Đạt
27	1213240029	Nguyễn Văn	Thịnh	29/06/1999	02KT14E1	10.0	6.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
28	0213240004	Nguyễn Anh	Thư	07/09/2002	02KT14E1	9.0	9.5	9.3		9.0		9.1	Đạt
29	0213240003	Đặng Huỳnh Thủy	Tiên	16/06/1994	02KT14E1	9.0	8.5	8.7		9.0		8.9	Đạt
30	0213240019	Trần Thị Ngọc	Trâm	07/01/2000	02KT14E1	10.0	4.5	6.3		7.8		7.2	Đạt
31	0213240006	Nguyễn Mai Huỳnh	Trân	31/08/2000	02KT14E1	9.0	6.0	7.0		9.5		8.5	Đạt
32	0213240005	Nguyễn Phúc Thùy	Trang	03/03/1987	02KT14E1	10.0	5.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
33	0213180003	Tạ Thị Thu	Trang	31/01/1997	02KT14E1	10.0	7.0	8.0		9.5		8.9	Đạt
34	1213240026	Văn Bảo Cẩm	Tú	16/07/1993	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		9.8		9.9	Đạt
35	1213240032	Nguyễn Văn	Tùng	15/05/1998	02KT14E1	9.0	5.0	6.3		9.0		7.9	Đạt
36	2213240096	Phạm Thúy	Vi	14/11/1993	02KT14E1	10.0	7.0	8.0		8.8		8.5	Đạt
37	1213240053	Trần Thị Phương	Vy	23/12/1994	02KT14E1	10.0	8.0	8.7		7.5		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213180002	Võ Thị Cẩm	An	12/07/1987	02KT14E1	10.0	6.0	7.3		6.8		7.0	Đạt
2	0213180004	Nguyễn Vũ	Bình	20/10/1995	02KT14E1	10.0	8.6	9.1		8.5		8.7	Đạt
3	0213240008	Văn Thị Kim	Cương	01/12/1999	02KT14E1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
4	0213240022	Tạ Trường	Đạt	02/11/2000	02KT14E1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
5	1213240040	Lưu Thanh	Điện	12/05/1995	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		7.0		8.2	Đạt
6	0213240014	Bùi Văn	Điện	15/09/1998	02KT14E1	9.0	7.4	7.9		7.5		7.7	Đạt
7	0213240018	Nguyễn Thị Lệ	Dung	30/08/1988	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
8	0213240017	Mai Trần Thùy	Dương	03/11/1996	02KT14E1	8.3	7.5	7.8		9.0		8.5	Đạt
9	2213180043	Nguyễn Thị Hương	Giang	22/04/1992	02KT14E1	9.3	9.2	9.2		8.3		8.7	Đạt
10	0213240009	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	03/11/1996	02KT14E1	10.0	8.0	8.7		9.8		9.3	Đạt
11	2213180057	Lê Thị Thanh	Hiền	10/04/1982	02KT14E1	10.0	9.5	9.7		10.0		9.9	Đạt
12	1213240014	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	02/08/1992	02KT14E1	10.0	9.5	9.7		9.5		9.6	Đạt
13	1213240037	Nguyễn Lê Thanh	Hùng	20/03/1996	02KT14E1	10.0	9.5	9.7		5.8		7.3	Đạt
14	2213240138	Vũ Mai Thiên	Hương	08/09/1993	02KT14E1	10.0	7.8	8.5		9.3		9.0	Đạt
15	0213240002	Hồ Kim	Lợi	25/01/1983	02KT14E1	10.0	7.4	8.3		7.8		8.0	Đạt
16	0213240001	Mai Kim	Ngân	20/07/2000	02KT14E1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
17	2213240114	Trần Ngọc	Ngân	05/01/1999	02KT14E1	6.4	8.2	7.6		7.0		7.2	Đạt
18	0213240020	Đặng Đình Anh	Ngọc	10/08/1993	02KT14E1	8.3	7.4	7.7		8.8		8.4	Đạt
19	0213240026	Võ Minh	Nhật	05/11/1993	02KT14E1	8.3	7.2	7.6		8.5		8.1	Đạt
20	0213180002	Nguyễn Hồng	Nhung	15/05/1996	02KT14E1	10.0	8.1	8.7		8.0		8.3	Đạt
21	0213240021	Trần Thị Diễm	Phương	27/01/1985	02KT14E1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
22	1213240003	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	25/11/1998	02KT14E1	10.0	8.0	8.7		9.5		9.2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
23	2213240080	Lê Ngọc Quỳnh	05/10/1999	02KT14E1	10.0	7.6	8.4		7.3		7.7	Đạt	
24	0213240011	Trần Trúc Thanh	19/03/1997	02KT14E1	10.0	7.7	8.5		7.3		7.8	Đạt	
25	0213240023	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1991	02KT14E1	10.0	7.8	8.5		6.3		7.2	Đạt	
26	2213240118	Nguyễn Ngọc Diệu Thiện	17/08/1991	02KT14E1	10.0	9.0	9.3		8.3		8.7	Đạt	
27	1213240029	Nguyễn Văn Thịnh	29/06/1999	02KT14E1	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt	
28	0213240004	Nguyễn Anh Thư	07/09/2002	02KT14E1	9.3	7.4	8.0		9.0		8.6	Đạt	
29	0213240003	Đặng Huỳnh Thủy Tiên	16/06/1994	02KT14E1	9.3	9.0	9.1		9.0		9.0	Đạt	
30	0213240019	Trần Thị Ngọc Trâm	07/01/2000	02KT14E1	6.4	7.4	7.1		5.5		6.1	Đạt	
31	0213240006	Nguyễn Mai Huỳnh Trân	31/08/2000	02KT14E1	10.0	8.1	8.7		8.3		8.5	Đạt	
32	0213240005	Nguyễn Phúc Thùy Trang	03/03/1987	02KT14E1	9.3	8.0	8.4		8.5		8.5	Đạt	
33	0213180003	Tạ Thị Thu Trang	31/01/1997	02KT14E1	9.5	8.0	8.5		9.0		8.8	Đạt	
34	1213240026	Văn Bảo Cẩm Tú	16/07/1993	02KT14E1	10.0	9.2	9.5		10.0		9.8	Đạt	
35	1213240032	Nguyễn Văn Tùng	15/05/1998	02KT14E1	9.3	7.4	8.0		7.0		7.4	Đạt	
36	2213240096	Phạm Thúy Vi	14/11/1993	02KT14E1	7.6	7.3	7.4		9.0		8.4	Đạt	
37	1213240053	Trần Thị Phương Vy	23/12/1994	02KT14E1	10.0	7.9	8.6		9.8		9.3	Đạt	
38	1193360056	Nguyễn Thiên Phú	17/11/2004	01KT12C1	8.5	8.5	8.5		6.3		7.2	Đạt	